

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 149/2017/HSST

Ngày 19/9/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Huy Hiệp

Thẩm phán: Ông Lò Văn Điệt.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lương Hữu Anh
2. Bà Bùi Thị Đào
3. Bà Nguyễn Thị Khánh Loan

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Anh Cương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 151/2017/HSST ngày 31 tháng 8 năm 2017, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 178/2017/HSST-QĐ ngày 05/9/2017 đối với bị cáo:

1. Phan Ngọc D, sinh năm 1970, tại Sơn La; nơi ĐKNKTT: Tiểu khu 1, Xã CN, thành phố SL, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo; Không; Đảng, đoàn thể: Không; con ông Phan Văn H và bà Lù Thị H1 (đều đã chết); có vợ là Lê Thị B; Tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/3/2017 đến nay, có mặt.

2. Phạm Quốc T, sinh năm 1973, tại Sơn La nơi ĐKNKTT: Tổ 7, phường CL, thành phố SL, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo; Không; Đảng, đoàn thể: Không; con ông Phạm Hồng H2 (đã chết), con bà Nguyễn Thị NH; có vợ là Nguyễn Thị V và có 02 con (con lớn sinh năm 1999, con nhỏ sinh năm 2003); Tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/3/2017 đến nay, có mặt.

3. Giàng Thị M; sinh năm 1974, tại SM, Sơn La nơi ĐKNKTT: Bản XC, xã NN, huyện SM, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: trồng trọt; trình độ văn hóa: Không biết chữ; dân tộc: Mông; Quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; Đảng, đoàn thể: Không; con ông Giàng Khua D và bà Hờ Thị K (đều đã chết); có chồng là Hờ A C và có 06 con (con lớn nhất sinh năm 1990, con nhỏ nhất sinh năm 2001); Tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/3/2017 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

* Người bào chữa cho bị cáo Phan Ngọc D, Phạm Quốc T: Bà Trần Bích Liên, là Luật sư thuộc Văn phòng luật sư Niềm Tin Công Lý, Đoàn luật sư tỉnh Sơn La, có mặt.

* Người bào chữa cho bị cáo Giàng Thị M: Ông Trần Minh Huân, là Luật sư thuộc Đoàn luật sư tỉnh Sơn La, có mặt.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Phan Thị D1, sinh năm 1967; trú tại: Tiểu khu 1, Xã CN, thành phố SL, tỉnh Sơn La, có mặt.

2. Bà Nguyễn Thị V1, sinh năm 1976; trú tại: tổ 7, phường CL, thành phố SL, tỉnh Sơn La, vắng mặt.

NHẬN THẤY:

Các bị cáo Phan Ngọc D, Phạm Quốc T và Giàng Thị M bị Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Hồi 02 giờ 00 phút ngày 12/3/2017, Tổ công tác Công an huyện PY làm nhiệm vụ tại khu vực bản Đ, xã TP, huyện PY, tỉnh Sơn La đã phát hiện và bắt quả tang Phan Ngọc D và Phạm Quốc T đang vận chuyển trái phép chất ma túy trên xe ô tô BKS 29C-623.86 do Phạm Quốc T điều khiển, vật chứng thu giữ gồm:

02 gói chất bột màu trắng và 01 túi nilon bên trong chứa 225 viên nén màu hồng (D, T khai là Hêrôin và Hồng phiến), 01 xe ô tô BKS 29C- 623.86, 03 điện thoại di động và 2.100.000 đồng (của D 300.000 đồng, của T 1.800.000 đồng).

Ngoài ra, thu giữ trên người Phạm Quốc T: 03 gói chất bột màu trắng; 01 túi nilon bên trong chứa 21 viên nén màu hồng; 01 gói nilon bên trong chứa chất tinh thể dạng đá (T khai là Hêrôin, Hồng phiến và ma túy đá)

Mở rộng điều tra, ngày 13/3/2017, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện PY đã tiến hành bắt khẩn cấp đối với Giàng Thị M (Trú tại: Bản XC, NN, SM, Sơn La) về hành vi mua bán trái phép chất ma túy.

Trong các ngày 12 và 14/3/2017, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện PY đã tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở đối với Phan Ngọc D, Phạm Quốc T, Giàng Thị M, kết quả: Không thu giữ được gì.

Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện PY đã thành lập hội đồng mở niêm phong, cân tịnh, xác định trọng lượng, lấy mẫu trưng cầu giám định, cụ thể:

- 02 gói chất bột màu trắng có tổng trọng lượng 234,426 gam; trích trong gói thứ nhất 0,172 gam ký hiệu DT, trích trong gói thứ hai 0,109 gam ký hiệu DT2 làm mẫu gửi giám định;

- 225 viên nén màu hồng có tổng trọng lượng 20,75 gam, trích 15 viên nén màu hồng có trọng lượng 1,405 gam ký hiệu DT4 làm mẫu giám định;

- 03 gói chất bột màu trắng thu giữ của Phạm Quốc T có tổng trọng lượng 0,766 gam, trích mỗi gói lần lượt là 0,021 gam, 0,09 gam, 0,033 gam ký hiệu T, T2, T4 làm mẫu giám định;

- 01 gói nilon chứa tinh thể dạng đá thu giữ của Phạm Quốc T có trọng lượng 1,881 gam trích 0,67 gam ký hiệu T6 làm mẫu giám định;

- 21 viên nén màu hồng thu giữ của Phạm Quốc T có tổng trọng lượng 1,961 gam, trích 10 viên có trọng lượng 0,934 gam, ký hiệu T8 làm mẫu giám định;

Tại Kết luận giám định số: 33/KLMT ngày 14/3/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La kết luận:

“Mẫu gửi giám định ký hiệu DT, DT2, T, T2, T4 là chất ma túy, loại chất Hêrôin;

Mẫu gửi giám định ký hiệu DT4, T6, T8 là chất ma túy, loại chất Methamphetamine;

Tổng trọng lượng chất ma túy thu giữ được là 235,192 gam loại chất Hêrôin và 24,592 gam loại chất Methamphetamine”

Quá trình điều tra, Phan Ngọc D, Phạm Quốc T khai nhận:

Phan Ngọc D là đối tượng nghiện ma túy. Khoảng trước tết nguyên đán 2016, D đến nhà Giàng Thị M hỏi mua ma túy để sử dụng, M nói không có. Đến giữa tháng 02/2017, D lại gọi điện hỏi mua của M 01 bánh Hêrôin và 02 túi Hồng phiến. M nói sẽ đi hỏi rồi thông báo sau, khoảng một tiếng sau M gọi điện cho D thông báo đã tìm được ma túy giá 140.000.000đ/01 bánh Hêrôin và 7.000.000đ/01 túi Hồng phiến, D đồng ý mua. Đến 19 giờ cùng ngày, D gọi điện rủ Phạm Quốc T cùng đi mua ma túy, T đồng ý. D đã lái xe ô tô đến đón T rồi cùng đi vào SM. Khoảng 22 giờ cùng ngày, D và T lái xe đến khu vực gần nhà của M, D bảo T ở ngoài cổng đợi còn D đi bộ vào trong nhà M, như đã thỏa thuận, D đưa cho M 154.000.000 đồng, M bán cho D 01 bánh Hêrôin và 02 túi Hồng phiến. Mua được ma túy, D quay ra xe ô tô nơi T đang chờ, thông báo đã mua được ma túy, D đã lấy một ít Hêrôin và khoảng 10 viên hồng phiến cùng T sử dụng. Sau đó, T điều khiển xe ô tô cùng D quay về, trên đường về D có nói mấy hôm nữa sẽ trả công cho T bằng ma túy, T đồng ý. Sáng hôm sau, D mang số

ma túy mua được ra vườn chia bánh Hêrôin thành 03 gói nhỏ, một gói cất dấu trong người để sử dụng dần, hai gói cất dấu trong vườn. Còn 02 túi Hồng phiến thì D lấy ra khoảng 50 đến 60 viên để sử dụng, số còn lại cất dấu cùng 02 gói Hêrôin trong vườn. Khoảng 01 tuần sau, D lấy 01 chỉ Hêrôin và hơn 20 viên Hồng phiến mang đến nhà trả công cho T. D nói với T ở nhà còn khoảng 04 cây Hêrôin và bảo T tìm mối bán, T đồng ý.

Ngày 09/3/2017, D rủ T cùng đi xuống Hà Nội khám bệnh, trong khi chờ D, T đi ra bến xe Mỹ Đình, Hà Nội nhờ một người lái xe ôm không quen biết mua hộ 01 gói ma túy đá với số tiền 1.500.000 đồng mục đích để sử dụng và bán kiếm lời. Sau khi D khám bệnh xong, T rủ D lên Thái Nguyên gặp bạn của T tên là T1 để trao đổi mua bán ma túy. Khi gặp T1, D nói có khoảng 04 cây Hêrôin cần bán với giá 25.000.000 đồng/ 01 cây, T1 hứa sẽ tìm người mua hộ. Ngày hôm sau, D và T đi về Sơn La.

Ngày 11/3/2017, T1 gọi điện cho T nói có khách cần mua 02 cây Hêrôin, T nói lại với D. Khoảng 21 giờ cùng ngày, D, T mang ma túy đi Thái Nguyên bán. Trước khi đi, T cầm theo sổ ma túy D trả công và sổ ma túy đá, mục đích mang sổ ma túy trên nhờ T1 bán hộ. Về phía D, sau khi thống nhất với T, D đi mượn xe ô tô BKS 29C-623.86 của Phan Thị D1 (chị gái D) và nói mượn xe đi khám bệnh, sau đó D ra vườn lấy 02 gói Hêrôin và sổ Hồng phiến đã cất dấu trước đó cho vào túi và cất dấu trong cốp dưới vô lăng ô tô. Khi lên xe ô tô, D nói với T việc cất dấu ma túy. Sau đó T lái xe chở D đi theo hướng Sơn La, PY. Khi đi đến bản Đ, xã TP, huyện PY thì bị phát hiện bắt quả tang.

Giàng Thị M khai nhận: Khoảng tháng 02/2017, Vừ Thị D3 (Trú tại: Bản Nà Hạ, xã HM, huyện SM) đến nhà đưa cho M và bảo M cất dấu hộ 01 túi nilon bên trong có đựng ma túy. D3 đặt vấn đề mượn địa điểm nhà M để bán ma túy, khi nào xong việc sẽ trả M 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng, M đồng ý. Đến khoảng 22 giờ thì D đến, D3 bảo M lấy ma túy bán cho D, còn D3 ra ngoài canh giới. Sau khi nhận tiền D đưa, M lấy túi ma túy đưa cho D, mua xong D đi về, còn D3 trả công cho M 500.000 đồng.

Tại cáo trạng số: 775/VKS-P1 ngày 29/8/2017, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La đã truy tố các bị cáo Phan Ngọc D, Giàng Thị M, Phạm Quốc T về tội: Mua bán trái phép chất ma túy theo điểm b khoản 4 Điều 194 Bộ luật Hình sự.

- Tại phiên tòa, các bị cáo Phan Ngọc D, Phạm Quốc T đều khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng đã nêu.

- Bị cáo Giàng Thị M khai: Bị cáo không quen biết Phan Ngọc D và Phạm Quốc T và không được bán chất ma túy cho D. Tại cơ quan điều tra bị cáo có khai nhận đã giúp D3 bán ma túy cho D, nhưng nay bị cáo thay đổi và không nhất trí lời khai trước đây.

- Bà Phan Thị D1 khai: Phan Ngọc D là em trai bà Dung, do D đang điều trị bệnh nên thường mượn xe ô tô của bà Dung để đi lại khám bệnh, ngày 12/3/2017 Phan Ngọc D có mượn chiếc xe ô tô BKS 29C-623.86 để đi Hà Nội khám bệnh, việc D sử dụng xe của gia đình bà làm phương tiện cất giấu, vận chuyển ma túy bà Dung không biết, bà đề nghị được trả lại chiếc xe ô tô trên.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo như cáo trạng và đề nghị:

Tuyên bố bị cáo Phan Ngọc D, Phạm Quốc T, Giàng Thị M phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy.

Áp dụng điểm b khoản 4 Điều 194, điểm p, q khoản 1, 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phan Ngọc D 20 năm tù, miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Áp dụng điểm b khoản 4 Điều 194, điểm p khoản 1 Điều 46, Điều 53 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Quốc T 18 đến 19 năm tù, miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Áp dụng điểm b khoản 4 Điều 194, điểm p khoản 1 Điều 46, Điều 53 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Giàng Thị M 17 đến 18 năm tù, miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về vật chứng: Đề nghị tịch thu tiêu hủy số ma túy còn lại sau khi đã trích mẫu giám định; tạm giữ để đảm bảo thi hành án số tiền 300.000 đồng của Phan Ngọc D và 1.800.000 đồng của Phạm Quốc T; tịch thu sung công 04 chiếc điện thoại di động của các bị cáo; trả lại bà Phan Thị D1 01 chiếc xe ô tô BKS 29C - 623.86 và giấy tờ xe; trả lại cho bà Nguyễn Thị V1 01 chiếc xe máy biển kiểm soát 26 B1 - 558.36.

- Ý kiến của Luật sư bào chữa cho bị cáo Phan Ngọc D, Phạm Quốc T: Nhất trí tội danh, điều luật truy tố của Viện kiểm sát, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo đều thành khẩn khai báo hành vi phạm tội, khai ra đồng phạm Giàng Thị M, bị cáo Phan Ngọc D đang điều trị bệnh và có ông nội được tặng thưởng Huân chương kháng chiến; bị cáo Phạm Quốc T tham gia với vai trò đồng phạm. Đối với bị cáo Phan Ngọc D Luật sư đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p, q khoản 1, 2 Điều 46, Điều 47 xử phạt bị cáo mức án 18 năm tù; đối với bị cáo Phạm Quốc T Luật sư đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46, Điều 53, xử phạt mức 17 năm tù;

- Ý kiến của Luật sư bào chữa cho bị cáo Giàng Thị M: Nhất trí tội danh, điều luật truy tố của Viện kiểm sát, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết: Bị cáo là dân tộc thiểu số có điều kiện hoàn cảnh khó khăn, bị cáo tham gia với vai trò đồng phạm, mặc dù tại phiên tòa không thừa nhận hành vi phạm tội nhưng trong quá trình điều tra bị cáo đã thành khẩn khai báo. Luật sư đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46, Điều 53, xử phạt bị cáo

Giàng Thị M mức án thấp nhất.

- Bị cáo Phan Ngọc D, Phạm Quốc T: Nhất trí với ý kiến của Luật sư và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

- Bị cáo Giàng Thị M: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Phan Thị D1 nhất trí với ý kiến của Kiểm sát viên, đề nghị được trả lại chiếc xe ô tô Ford Ranger kèm theo giấy tờ xe đang bị thu giữ trong vụ án.

- Ý kiến tranh luận của đại diện Viện kiểm sát: Đối với bị cáo Phan Ngọc D tuy bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự, nhưng trong vụ án bị cáo giữ vai trò chủ mưu, bị cáo phạm tội với số lượng ma túy tương đối lớn, do đó Kiểm sát viên không nhất trí việc áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự để xử bị cáo D mức án dưới khung hình phạt; đối với bị cáo Phạm Quốc T tham gia tội phạm với vai trò giúp sức cho D nên được xem xét áp dụng Điều 53 Bộ luật hình sự và mức hình phạt Viện kiểm sát đưa ra là phù hợp, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, Luật sư, lời khai của bị cáo, lời khai của những người tham gia tố tụng khác;

XÉT THẤY

Lời khai nhận tội của bị cáo Phan Ngọc D, Phạm Quốc T tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với nội dung bản Cáo trạng, đã thể hiện: Do nghiện ma túy nên Phan Ngọc D đã liên lạc với Giàng Thị M để mua Hêrôin và Hồng phiến với mục đích sử dụng và bán kiếm lời. Giữa tháng 02/2017, D đã rủ Phạm Quốc T đi mua ma túy. T đã cùng D đi đến khu vực Bản XC, xã NN, huyện SM, tỉnh Sơn La để mua ma túy, D đã trực tiếp gặp và mua của Giàng Thị M 01 bánh Hêrôin và 02 túi Hồng phiến với giá 154.000.000 đồng, sau đó Phan Ngọc D đã trả công cho Phạm Quốc T là 01 chỉ Hêrôin và 21 viên hồng phiến. Số ma túy còn lại D chia thành 03 gói và cất dấu mục đích tìm người để bán lại, sau đó D đã bảo T tìm mối bán ma túy. Ngày 09/3/2017, D rủ T đi xuống Hà Nội khám bệnh, tại đây T đã mua 01 gói ma túy đá với giá 1.500.000 đồng với mục đích về sử dụng và bán kiếm lời. Sau đó T đưa D đi gặp một đối tượng tên T1 để trao đổi việc mua bán ma túy và nói cần bán 04 cây Hêrôin với giá 25.000.000 đồng/ 01 cây. Ngày 11/03/2017, T1 thông báo với T có khách đặt mua 02 cây Hêrôin, T đã thông báo lại với D, sau đó D và T đem số ma túy đã mua được trước đó sang Thái Nguyên để bán thì bị phát hiện bắt quả tang.

Tại phiên tòa, mặc dù bị cáo Giàng Thị M không thừa nhận hành vi phạm tội của mình, cho rằng mình không biết và không liên quan đến việc mua bán trái phép chất ma túy, không biết D cũng như chưa từng liên lạc với D, tuy nhiên bị

cáo không giải thích được về lời khai nhận hành vi phạm tội của mình tại cơ quan điều tra. Mặt khác, lời khai nhận tội của bị cáo tại cơ quan điều tra là phù hợp với lời khai của Phan Ngọc D và hành vi phạm tội của các bị cáo được chứng minh bằng các căn cứ sau:

- Biên bản bắt người phạm tội quả tang do Công an huyện PY lập hồi 02 giờ 10 phút ngày 12/3/2017 đối với Phan Ngọc D, Phạm Quốc T tại Khối 5, thị trấn PY, huyện PY, tỉnh Sơn La cùng vật chứng là số ma túy bị thu giữ trong vụ án (Phan Ngọc D đã khai ra nguồn gốc số ma túy là do D mua của Giàng Thị M) Biên bản bắt người lập hồi 21 giờ 05 phút ngày 13 tháng 03 năm 2017 tại Ủy ban nhân dân thị trấn SM đối với Giàng Thị M theo lệnh bắt khẩn cấp số 16 ngày 13/3/2017 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện PY cùng vật chứng thu giữ là 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO kèm theo thẻ sim điện thoại số 01682.586.912.

- Biên bản mở niêm phong, kiểm tra điện thoại và niêm phong lại điện thoại đối với điện thoại của Phan Ngọc D, Phạm Quốc T, Giàng Thị M với sự tham gia của các bị cáo đã xác định: Phan Ngọc D với số liên lạc 01233.406.914 đã liên lạc với số 0973166062 của Phạm Quốc T và số 01682.586.912 của Giàng Thị M và Giàng Thị M cũng liên lạc lại với Phan Ngọc D. Tại cơ quan điều tra các bị cáo đều khai nhận được liên lạc qua điện thoại để trao đổi mua bán ma túy với nhau.

- Kết luận giám định số: 33/KLMT ngày 14/3/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La kết luận:

“Mẫu gửi giám định ký hiệu DT, DT2, T, T2, T4 là chất ma túy, loại chất Hêrôin;

Mẫu gửi giám định ký hiệu DT4, T6, T8 là chất ma túy, loại chất Methamphetamine;

Tổng trọng lượng chất ma túy thu giữ được là 235,192 gam loại chất Hêrôin và 2,592 gam loại chất Methamphetamine”

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Phan Ngọc D đều khai nhận do bị cáo không biết tiếng dân tộc Mông nên khi bị cáo trao đổi với Giàng Thị M bị cáo sử dụng tiếng dân tộc Thái, bị cáo Giàng Thị M thừa nhận bị cáo không biết tiếng phổ thông nhưng bị cáo nghe và nói được tiếng dân tộc Thái.

Xét lời khai của Giàng Thị M trong quá trình điều tra là phù hợp với lời khai của Phan Ngọc D, Phạm Quốc T, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, do đó không có cơ sở chấp nhận lời khai chối tội của bị cáo Giàng Thị M tại phiên tòa.

Từ các căn cứ nêu trên có đủ cơ sở kết luận bị cáo Phan Ngọc D, Phạm Quốc T, Giàng Thị M phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy, tội phạm và hình phạt quy định tại Điều 194 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết định khung hình phạt:

Do các bị cáo Giàng Thị M, Phan Ngọc D, Phạm Quốc T đều không xác định được trọng lượng số ma túy đã mua bán lúc đầu, tại phiên tòa bị cáo Giàng Thị M thay đổi lời khai không thừa nhận việc bán ma túy cho Phan Ngọc D, nên chỉ có căn cứ quy kết các bị cáo Phan Ngọc D, Phạm Quốc T và Giàng Thị M với số lượng ma túy thực tế bị bắt quả tang là 235,192 gam Hêrôin và 22,711 gam Methamphetamine (tương đương 7,570 gam Hêrôin), tổng trọng lượng được quy đổi thành Hêrôin là 242,762 gam.

Ngoài ra Phạm Quốc T còn thực hiện việc mua bán 1,881gam Methamphetamine (ma túy đá) quy đổi 1,881g Methamphetamine tương đương 0,627gam Hêrôin, do đó tổng trọng lượng chất ma túy Phạm Quốc T phải chịu trách nhiệm là 243,389 gam Hêrôin.

Hành vi trên của các bị cáo Phan Ngọc D, Phạm Quốc T, Giàng Thị M, đã vi phạm tình tiết “*Hêrôin hoặc Côcain có trọng lượng từ một trăm gam trở lên*” quy định tại điểm b khoản 4 Điều 194 Bộ luật Hình sự có khung hình phạt tù hai mươi năm, tù chung thân hoặc tử hình.

Đánh giá về tính chất của vụ án: Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy, gây nguy hại lớn cho xã hội, thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng, do đó cần xử lý nghiêm mới bảo đảm biện pháp cải tạo đối với các bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung.

Đánh giá về vai trò của các bị cáo trong vụ án:

Bị cáo Phan Ngọc D là người chủ động liên lạc, trực tiếp trao đổi mua bán ma túy với Giàng Thị M, chuẩn bị tiền, phương tiện để mua ma túy, rủ rê lôi kéo Phạm Quốc T cùng tham gia hành vi phạm tội, nên giữ vai trò chính trong vụ án; Bị cáo Phạm Quốc T đã trực tiếp cùng với D đi mua ma túy và liên lạc với đối tượng mua ma túy để D và T đem bán; bị cáo Giàng Thị M tiếp nhận ý chí của Phan Ngọc D, tìm mua ma túy cho D, do đó các bị cáo Phạm Quốc T và Giàng Thị M giữ vai trò đồng phạm giúp sức trong vụ án.

Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo:

Đối với bị cáo Phan Ngọc D: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng theo quy định tại khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự. Quá trình điều tra, tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo và khai ra đồng phạm; bị cáo có ông bà nội là người có công với cách mạng, được Nhà nước tặng thưởng huân chương kháng chiến hạng ba nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p, q khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự. Tuy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, nhưng trong vụ án bị cáo giữ vai trò chính do đó không chấp nhận ý kiến của Luật sư về áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, nên cần áp dụng mức hình phạt đại diện đưa ra mới phù hợp với tính chất, mức độ, vai trò của bị cáo trong vụ án.

Đối với bị cáo Phạm Quốc T: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Quá trình điều tra, tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự. Bị cáo tham gia phạm tội với vai trò đồng phạm giúp sức do đó được áp dụng Điều 53 Bộ luật Hình sự khi xem xét hình phạt.

Đối với bị cáo Giàng Thị M. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Bị cáo là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng sâu, vùng xa, trình độ văn hóa thấp, hiểu biết pháp luật hạn chế. Tại phiên tòa mặc dù bị cáo không thừa nhận hành vi phạm tội của mình, song căn cứ vào những lời khai nhận tội của bị cáo tại cơ quan điều tra là phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác đã chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo, do đó cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự. Bị cáo tham gia phạm tội với vai trò đồng phạm giúp sức nên được áp dụng quy định tại Điều 53 Bộ luật Hình sự khi lượng hình phạt.

Ngoài hình phạt chính, các bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền theo quy định tại khoản 5 Điều 194. Tuy nhiên, xét hoàn cảnh các bị cáo khó khăn, không có khả năng thi hành nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với cả ba bị cáo.

Đối với người liên quan:

Về nguồn gốc số 235,192 gam Hêrôin và 22,711 gam Methamphetamine Giàng Thị M khai nhận là của Vũ Thị D3 (Trú tại: Bản Nà Hạ, xã HM, huyện SM). Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Sơn La đã tiến hành xác minh tại bản Nà Hạ, HM, SM không có ai tên Vũ Thị D3 có lý lịch như M khai nhận. Tuy nhiên, xác minh tại bản HT, HM, SM có một đối tượng tên Vũ Thị D3 có lai lịch phù hợp với lời khai của Giàng Thị M nhưng ngày 09/3/2017, D3 đã chết. Do đó không có căn cứ điều tra mở rộng vụ án.

Đối với người lái xe ôm ở bến xe khách Mỹ Đình, Hà Nội mà Phạm Quốc T khai đã nhờ mua hộ ma túy. T không biết tên tuổi, địa chỉ cụ thể, ngoài lời khai của T không còn căn cứ nào khác. Do vậy Cơ quan điều tra không có căn cứ để điều tra xác minh.

Đối với người đàn ông tên “T1” ở Thái Nguyên, D và T khai không biết họ tên, địa chỉ cụ thể nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để điều tra xác minh.

Về vật chứng của vụ án:

- Đối với số ma túy (Hêrôin và gam Methamphetamine) còn lại sau khi đã lấy mẫu giám định, xét là loại chất nhà nước cấm lưu hành, cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 04 chiếc điện thoại di động thu giữ của Phan Ngọc D, Phạm Quốc T, Giàng Thị M, là phương tiện của các bị cáo, đã dùng để liên lạc để thực hiện hành vi phạm tội, cần tịch thu sung công quỹ Nhà Nước

- Đối với chiếc xe ô tô Ford Ranger có BKS 29C-623.86 kèm theo giấy tờ

xe, chìa khóa xe đã thu giữ trong vụ án. Kết quả điều tra xác định chiếc xe trên là của bà Phan Thị D1. Khi cho bị cáo Phan Ngọc D mượn xe bà Dung không biết D sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội. Xét đề nghị trả lại chiếc xe trên của bà Phan Thị D1 là hợp pháp cần chấp nhận.

- Đối với chiếc xe mô tô hai bánh nhãn hiệu Honda Dream thu giữ trong vụ án, kết quả điều tra và tại phiên tòa có đủ cơ sở xác định là tài sản chung của vợ chồng bị cáo Phạm Quốc T và bà Nguyễn Thị V1, khi bị cáo T sử dụng chiếc xe trên làm phương tiện đến nhà Phan Ngọc D và sau đó thực hiện hành vi phạm tội bà Vân không biết. Trong quá trình điều tra vụ án, bà Vân và Phạm Quốc T đã ly hôn, bà Vân đề nghị được trả lại chiếc xe máy trên để sử dụng trong sinh hoạt gia đình, xét là phù hợp, cần chấp nhận.

- Đối với 2.100.000đ (hai triệu, một trăm nghìn đồng) thu giữ trong vụ án (trong đó của Phan Ngọc D 300.000 đồng, của Phạm Quốc T 1.800.000 đồng) xét không liên quan đến vụ án, song cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Về án phí: Các bị cáo Phan Ngọc D, Phạm Quốc T, Giàng Thị M phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Phan Ngọc D, Phạm Quốc T, Giàng Thị M phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy.

1. Áp dụng điểm b khoản 4 Điều 194, điểm p, q khoản 1, 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Phan Ngọc D 20 (hai mươi) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 12/3/2017; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

2. Áp dụng điểm b khoản 4 Điều 194, điểm p khoản 1 Điều 46, Điều 53 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Phạm Quốc T 18 (mười tám) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 12/3/2017; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

3. Áp dụng điểm b khoản 4 Điều 194, điểm p khoản 1, 2 Điều 46, Điều 53 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Giàng Thị M 17 (mười bảy) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 13/3/2017; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

4. *Về vật chứng*: Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự, điểm a, b, đ khoản 2 Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự, tuyên:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) phong bì do do bưu điện phát hành, còn nguyên niêm phong, mặt trước có ghi “*Vật chứng còn lại là: (Heroin, ma túy tổng hợp, ma túy dạng đá) của Phạm Quốc T, bắt ngày 12/3/2017. Tổng trọng lượng = 2,86 gam*”. (Trong đó: T1 = 0,128 gam; T3 = 0,048 gam; T5 = 0,446 gam; T7 = 1,221 gam; T9 = 1,027 gam). Theo kết luận giám định số 337/KLMT ngày 14/3/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Sơn La kết luận mẫu gửi giám định ký hiệu DT, DT2, T, T2, T4 là chất ma túy, loại chất Hêrôin. Mặt

sau phong bì có 02 dấu tròn đỏ của cơ quan cảnh sát điều tra, chữ ký, dòng ghi họ tên của thành phần tham gia niêm phong.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) chiếc hộp được dán bằng giấy trắng, còn nguyên niêm phong một mặt có ghi “*Vật chứng còn lại (heroin, ma túy tổng hợp), vụ Phan Ngọc D và Phạm Quốc T, bắt ngày 12/3/2017. Tổng trọng lượng = 253,49 gam*” (Trong đó DT = 105,197 gam; DT3 = 128,948 gam; DT5 = 19,345 gam). Theo kết luận giám định số 337/KLMT ngày 14/3/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Sơn La kết luận mẫu gửi giám định ký hiệu DT4, T6, T8 là chất ma túy, loại chất Methamphetamine. Các cạnh hộp vật chứng có 03 dấu tròn đỏ của Cơ quan CSĐT, chữ ký, dòng ghi họ tên của thành phần tham gia niêm phong.

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước: 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Mbiistar Mdel B247 vỏ màu trắng, IMEI có 04 số cuối 5720 kèm 02 sim trong máy; 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO Mdel R1001 vỏ màu trắng, 2 IMEI có 04 số cuối 0098, 0080 kèm 01 sim trong máy, màn hình đã bị nứt, rạn vỡ; 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A33W vỏ màu trắng kèm 02 sim trong máy; 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu GIONEE, vỏ màu trắng kèm 01 sim trong máy.

- Trả lại cho bà Phan Thị D1: 01 (một) chiếc xe ô tô nhãn hiệu FORD, số loại Ranger màu ghi xám, loại xe bán tải Pickup ca bin kép có BKS 29C-623.86, xe có số máy P4AT2156726, số khung FF80GW535931; 01 (một) chứng nhận kiểm định, có số KB 0525078 do Cục đăng kiểm Việt Nam cấp ngày 10/3/2017; 01 (một) chứng nhận bảo hiệu bắt buộc TNDS của chủ xe ô tô có số 0046604 mang tên Lò Thị MN; 01 (một) chứng nhận đăng ký xe ô tô mang tên Lò Thị MN BKS 29C-623.86, có số 205600 do Công an Hà Nội cấp ngày 10/03/2016; 01 (một) chum chìa khóa xe ô tô gồm 04 chìa khóa.

- Trả lại cho bà Nguyễn Thị V1: Một chiếc xe mô tô hai bánh nhãn hiệu Honda Dream, màu sơn nâu có BKS 26B1-558.36, xe có số máy 1552321, số khung 252281, xe không có gương, chìa khóa.

- Tạm giữ để đảm bảo thi hành án: 2.100.000 đồng (hai triệu, một trăm nghìn đồng).

(Tên, số lượng, khối lượng, đặc điểm, tình trạng vật chứng tài sản: Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản của vụ án ngày 04/8/2017 giữa Công an tỉnh Sơn La với Cục thi hành án dân sự tỉnh Sơn La).

5. *Về án phí:* Các bị cáo Phan Ngọc D, Phạm Quốc T, Giàng Thị M mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

6. *Về quyền kháng cáo đối với bản án:* Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 19/9/2017). Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản

án (hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết).

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La;
- Công an tỉnh Sơn La;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Sơn La;
- Cục THADS tỉnh Sơn La;
- Sở tư pháp tỉnh Sơn La;
- Bị cáo; Người liên quan;
- Phòng KTNV - THAHS;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Huy Hiệp